

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 728/2018/QĐDS-PT

Ngày: 09/8/2018

Vv “Tuyên bố một người
mất năng lực hành vi dân sự”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2/ Ông Uông Văn Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị H Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/8/2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp công khai việc dân sự phúc thẩm thụ lý số 281/2018/DSPT ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”.

Do Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 25/5/2018 của Toà án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp số 3132/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cư trú tại: ấp C, xã D, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị E, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp C, xã D, huyện A, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1953 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 12 ấp 2/5, xã I, huyện K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai bà Nguyễn Thị B trình bày: ông Nguyễn Văn G (là anh ruột) và bà Nguyễn Thị E (là em ruột) của bà. Gia đình bà có tất cả là 05 anh chị em ruột. Tất cả đã có gia đình, riêng ông G; bà E có triệu chứng bệnh tâm thần nên hiện nay do bà chăm sóc nuôi dưỡng. ông G khi sinh ra không có triệu chứng bệnh, nhưng từ khi ông đi nghĩa vụ ở Campuchia về Việt Nam thì có triệu chứng bệnh tâm thần không làm chủ được hành vi của bản thân. bà E khi sinh ra không có bệnh, từ năm 2001 thì bà phát bệnh tâm thần bà B đưa đi bác sĩ điều trị nhưng đến nay vẫn chưa hết. Mọi sinh hoạt chi phí ăn, mặc của ông G và bà E do bà B là người trực tiếp lo lắng.

Nay bà B yêu cầu Tòa án tuyên bố ông G; bà E mất năng lực hành vi để thực hiện các thủ tục pháp lý khác. Căn cứ vào đơn yêu cầu của bà B, Tòa án nhân dân huyện A ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2018/QĐ-TCGD, ngày 20/4/2018 trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Tp Hồ Chí Minh thực hiện giám định đối với ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị E.

Trung tâm giám định pháp y tâm thần có kết luận:

- Số: 1660/2018/KLGĐTT, ngày 02/5/2018 kết luận đối với bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 164 ấp C, xã D, huyện A, Tp Hồ Chí Minh.

Về y học: đương sự bị bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng, giai đoạn thuyên giảm không hoàn toàn (F20.04-ICD10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Số:1659/2018/KLGĐTT, ngày 02/5/2018 kết luận đối với ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964, nơi cư trú: số 164 ấp C, xã D, huyện A, Tp Hồ Chí Minh.

Về y học: đương sự bị bệnh tâm thần phân liệt, thể di chứng, giai đoạn tiến triển với thiếu sót tăng dần (F20.5.1-ICD10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: đương sự mất khả năng nhận thức và hành vi. Kết luận trên được căn cứ vào tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức Y tế Thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10). Căn cứ vào Thông tư số 18/2015/TT-BYT, ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ y tế về quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953 là chị ruột của bà E và ông G có ý kiến thống nhất với toàn bộ lời khai của bà B trình bày tại buổi mở phiên họp xét việc dân sự. Bà B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ông G và bà E, các anh chị em khác đã có gia đình và sinh sống riêng. Do có yêu cầu bổ túc hồ sơ chia tài sản thừa kế của cha, mẹ để lại nên bà B là người trực tiếp đứng đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A tuyên bố bà E và ông G mất năng lực hành vi dân sự.

Quyết định sơ thẩm tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; các Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 377, Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 22, Điều 51 và Điều 54 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị B:

- Tuyên bố bà Nguyễn Thị E, sinh năm: 1975 và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964, cùng trú tại: số 164 ấp C, xã D, huyện A, thành phố Hồ Chí Minh mất năng lực hành vi dân sự.

- Sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân xã D để thực hiện việc đăng ký người giám hộ cho bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn G theo quy định pháp luật, mọi giao dịch của bà E và ông G phải do người giám hộ thực hiện. Đối với bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, TP. Hồ Chí Minh thực hiện việc đăng ký người giám sát việc giám hộ.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 05538, ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, TP. Hồ Chí Minh nên chuyển thành lệ phí.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 5 năm 2018 bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo quyết định sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thị B xin vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần quyết định sơ thẩm, chỉ định bà là người giám hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị H là người giám sát việc giám hộ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người được giám hộ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng :

Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy quyết định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử y không chấp nhận kháng cáo, y quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 25/5/2018 Tòa án nhân dân huyện A ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐDS-ST về việc “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”. Ngày 31/5/2018 người yêu cầu - bà Nguyễn Thị B kháng cáo. Căn cứ Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo:

- Hội đồng xét xử xét thấy:

Quyết định sơ thẩm có tuyên: Sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân xã D để thực hiện việc đăng ký người giám hộ cho bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn G theo quy định pháp luật, mọi giao dịch của bà E và ông G phải do người giám hộ thực hiện. Đối với bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, Tp Hồ Chí Minh thực hiện việc đăng ký người giám sát việc giám hộ.

Khoản 2 Điều 54 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Trường hợp có tranh chấp giữa những người giám hộ quy định tại Điều 52 và Điều 53 Bộ luật này về người giám hộ hoặc tranh chấp về cử người giám hộ thì Tòa án cử người giám hộ”.

Tại cấp phúc thẩm, phía người yêu cầu là bà Nguyễn Thị B cung cấp thêm chứng cứ mới giữa những anh em của bà B có tranh chấp thừa kế mâu thuẫn về lợi ích nên không thể thỏa thuận được về cử người giám hộ (Biên bản hòa giải không thành, thông báo thụ lý vụ án tranh chấp di sản thừa kế), hiện tại bà B và bà Yên đang trực tiếp nuôi dưỡng ông G, bà E (Hộ khẩu thường trú- BL 15- 20) do đó Hội đồng xét xử xác định giữa các anh em bà E, ông G có tranh chấp, căn cứ Khoản 2 Điều 54 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà B về việc chỉ định bà là người giám hộ ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị H là người giám sát việc giám hộ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người được giám hộ, sửa một phần quyết định sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận, bà B không phải chịu lệ phí kháng cáo.

Căn cứ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b, Khoản 3, Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, sửa một phần quyết định sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị B:

- Tuyên bố bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964, cùng trú tại: Số 164 ấp C, xã D, huyện A, thành phố Hồ Chí Minh mất năng lực hành vi dân sự.

- Bà Nguyễn Thị B là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H là người giám sát việc giám hộ cho bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn G.

3. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 05538, ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, TP. Hồ Chí Minh nên chuyển thành lệ phí.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu lệ phí kháng cáo, hoàn lại cho bà B 300.000 đồng lệ phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 05939 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án huyện A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND huyện A;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh